

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2025 của Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Dương

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ vào Quyết định số 2131/QĐ-SYT ngày 25/08/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán, thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của các đơn vị thuộc sở y tế sau sắp xếp;

Căn cứ vào Quyết định số 2794/QĐ-SYT ngày 20/10/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán, thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 ;

Căn cứ vào Quyết định số 2794/QĐ-SYT ngày 20/10/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán, thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 ;

Căn cứ vào Quyết định số 3026/QĐ-SYT ngày 05/11/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán, thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 theo NQ số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương;

Căn cứ vào Quyết định số 2514/QĐ-SYT ngày 30/09/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán, thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 theo NQ số 39/2024/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương;

Căn cứ vào Quyết định số 2317/QĐ-SYT ngày 10/09/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán, thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau sát nhập;

Căn cứ vào Quyết định số 3719/QĐ-SYT ngày 25/12/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán, thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện hỗ trợ để đảm bảo chế độ chi cho con người cho hoạt động KCB 9 tháng đầu năm 2025;

Căn cứ vào Quyết định số 3839/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán, thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 3837/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán, thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện thuê dịch vụ và mua sắm hạ tầng công nghệ thông tin triển khai hồ sơ bệnh án điện tử;

Xét đề nghị của ông Đặng Hải Minh- Kế toán trưởng ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2025 của Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Hải Dương (Có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Phòng Tài chính- Kế toán, các khoa, phòng chức năng; cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCKT;

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Hoà



THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025
Kèm theo quyết định số 93/QĐ-BVTT ngày 27 tháng 02 năm 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm 2025	Thực hiện 6 tháng	Thực hiện 6 tháng /Dự toán năm (%)	Thực hiện 6 tháng/2025 so với cùng kỳ 6 tháng/2024
1	2	3	4	5=4/3	6
A	Tổng số thu, chi, nộp NSNN phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	37.000.000.000	14.495.352.445	39,18%	65,60%
1	Thu phí	37.000.000.000	14.495.352.445	39,18%	66%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	37.000.000.000	21.225.450.128	57,37%	109%
1	Thu phí	37.000.000.000	21.225.450.128	57,37%	109%
III	Số thu phí, lệ phí nộp NSNN	0	0	0,00%	0,00%
1	Thu phí	0	0	0,00%	0%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Ngân sách trong nước	15.249.728.000	5.412.801.345		204%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp y tế, dân số gia đình	15.159.728.000	5.353.287.945	0	124%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.321.386.000	1.236.867.800		24%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.838.342.000	4.116.420.145		100%
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	90.000.000	59.513.400	66,13%	79,51%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	90.000.000	59.513.400	66,13%	80%
4	Kinh phí chưa thực hiện phân bổ				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				